

THỰC TRẠNG QUẢN LÝ HOẠT ĐỘNG ỨNG DỤNG CÔNG NGHỆ THÔNG TIN TRONG DẠY HỌC Ở CÁC TRƯỜNG TRUNG HỌC CƠ SỞ HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG, TỈNH TIỀN GIANG

Lê Thị Như Mai^{1,2}

¹Học viên cao học, Trường Đại học Đồng Tháp, Việt Nam

²Trường Trung học cơ sở Phú Đông, Việt Nam

Email: nhumaitpd@gmail.com

Lịch sử bài báo

Ngày nhận: 11/11/2024; Ngày nhận chỉnh sửa: 06/12/2024; Ngày duyệt đăng: 19/12/2024

Tóm tắt

Công nghệ thông tin đóng vai trò quan trọng trong mọi lĩnh vực của đời sống, từ kinh tế đến y tế, xã hội và đặc biệt là trong lĩnh vực giáo dục. Ứng dụng công nghệ thông tin trong giáo dục hiện nay là một yêu cầu cấp thiết nhằm đáp ứng xu thế chuyển đổi số và nâng cao chất lượng dạy và học. Quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin giúp tổ chức giám sát, đánh giá và cải tiến liên tục các hoạt động ứng dụng công nghệ, từ đó thúc đẩy chuyển đổi số và đáp ứng kịp thời các yêu cầu phát triển trong thời đại mới. Thông qua kết quả khảo sát bằng phiếu hỏi cùng phỏng vấn đối với 16 cán bộ quản lý và 58 giáo viên của ba trường trung học cơ sở trên địa bàn huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang, chúng tôi tiến hành phân tích, đánh giá thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Kết quả nghiên cứu thực trạng sẽ là cơ sở giúp các nhà quản lý giáo dục đưa ra các biện pháp thích hợp góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Từ khóa: Dạy học, quản lý, ứng dụng công nghệ thông tin, trường trung học cơ sở.

DOI: <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1421>

Trích dẫn: Lê, T. N. M. (2024). Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. *Tạp chí Khoa học Đại học Đồng Tháp*, 13(03S), 223-231. <https://doi.org/10.52714/dthu.13.03S.2024.1421>.

Copyright © 2024 The author(s). This work is licensed under a CC BY-NC 4.0 License.

**CURRENT MANAGEMENT OF INFORMATION TECHNOLOGY
APPLICATION ACTIVITIES IN TEACHING AND LEARNING
AT SECONDARY SCHOOLS IN TAN PHU DONG DISTRICT,
TIEN GIANG PROVINCE**

Le Thi Nhu Mai^{1,2}

¹*Postgraduate, Dong Thap University, Cao Lanh 870000, Vietnam*

²*Phu Dong Secondary School, Vietnam*

Email: nhumaitpd@gmail.com

Article history

Received: 11/11/2024; Received in revised form: 06/12/2024; Accepted: 19/12/2024

Abstract

Information technology plays an important role in all areas of life, from economics to health, society and especially in the field of education. Its application in education is currently urgent to meet the trend of digital transformation and improve the quality of teaching and learning. Managing information technology application activities helps organizations monitor and evaluate for improvement, thereby promoting digital transformation and promptly meeting development requirements in the new era. With questionnaires and interviews among 16 managers and 58 teachers from three secondary schools in Tan Phu Dong district, Tien Giang province, we analysed and evaluated the current management of the aforementioned task in teaching at secondary schools in Tan Phu Dong district, Tien Giang province. The results will be the basis for educational managers to propose appropriate measures for improvement on the concerned task in this area.

Keywords: *Information technology application, management, secondary school, teaching.*

1. Đặt vấn đề

Nước ta đang bước vào thời kỳ phát triển mới về mọi mặt, trong đó nhân tố con người ngày càng được khẳng định về vai trò và động lực của mình đối với toàn bộ quá trình phát triển của đất nước. Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng toàn quốc lần thứ XII ngày 28 tháng 01 năm 2016 xác định: “Đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục, đào tạo, phát triển nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao” (Ban Chấp hành Trung ương, 2016). Đặc biệt là gần đây nhất Bộ Giáo dục và Đào tạo cũng đã ban hành các công văn số 4267/BGDĐT-CNTT ngày 31/8/2022 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng công nghệ thông tin (CNTT), chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm 2022-2023 Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022); và công văn số 4771/BGDĐT-CNTT ngày 31/8/2023 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng ứng dụng CNTT, chuyển đổi số và thống kê giáo dục năm 2023-2024 (Bộ Giáo dục và Đào tạo, 2023).

Năm 2022, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định 131/QĐ-TTg Ngày 25/01/2022 phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030” đã đề cập quan điểm Tăng cường ứng dụng CNTT và chuyển đổi số tạo đột phá trong đổi mới hoạt động giáo dục và đào tạo; đổi mới quản lý nhà nước trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; tác động tích cực, toàn diện tới phương thức hoạt động, chất lượng, hiệu quả và công bằng trong giáo dục (Chính phủ, 2022).

Là ngành khoa học ra đời muộn nhưng CNTT đã và đang phát triển với tốc độ rất nhanh. Đã có nhiều dự án, công trình, báo cáo viết về ứng dụng CNTT trong giáo dục và đào tạo như: Đào (2007) với nghiên cứu “Ứng dụng CNTT trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam”; Nguyễn (2005) với dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở (THCS) “CNTT với việc đổi mới phương pháp dạy học”; Lê & cs. (2006) với quyển sách “Ứng dụng CNTT trong dạy học”; Đặng (2012) với quyển sách “Ứng dụng CNTT trong trường THCS”.

Các công trình nghiên cứu đã góp phần to lớn vào hệ thống lý luận nhằm làm sáng tỏ hoạt động ứng dụng CNTT và các giải pháp nhằm nâng cao chất lượng, hiệu quả quản lý hoạt động ứng dụng CNTT tại cơ sở giáo dục. Các công trình nghiên cứu trên sẽ là những tư liệu quý giá, thiết thực mang đến những góc nhìn đa chiều và những kinh nghiệm thực tiễn giúp chúng tôi tham khảo làm cơ sở và mối liên kết với nghiên cứu “Thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng CNTT tại các trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang” nhằm góp phần nâng cao chất lượng quản lý hoạt động giáo dục ở các trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Trong bối cảnh cách mạng công nghiệp 4.0, việc ứng dụng CNTT tại các trường THCS trở thành yếu tố quan trọng nhằm nâng cao chất lượng dạy và học, đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục. Tuy nhiên, thực tế cho thấy nhiều trường vẫn đối mặt với những thách thức như cơ sở hạ tầng chưa hoàn thiện, năng lực sử dụng CNTT của giáo viên (GV) và học sinh còn hạn chế, và kế hoạch quản lý chưa rõ ràng, cụ thể. Do đó, việc quản lý hiệu quả hoạt động ứng dụng CNTT không chỉ giúp tối ưu hóa việc sử dụng công nghệ mà còn hỗ trợ đổi mới phương pháp giảng dạy, nâng cao tương tác và sáng tạo trong lớp học. Đây là một nhiệm vụ cấp thiết, góp phần thúc đẩy chuyển đổi số trong giáo dục và chuẩn bị tốt hơn cho tương lai của thế hệ trẻ.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm

Tác giả Trần Kiều cho rằng: “Quản lý là những tác động của chủ thể quản lý trong việc huy động, kết hợp, sử dụng, điều chỉnh, điều phối các nguồn lực (nhân lực, vật lực, tài lực) trong và ngoài tổ chức (chủ yếu là nội lực) một cách tối ưu nhằm đạt mục đích của tổ chức với hiệu quả cao nhất” (Trần, 2006).

Luật CNTT, khoản 1 - Điều 4 đã định nghĩa: “CNTT là tập hợp các phương pháp khoa học, công nghệ và công cụ kỹ thuật hiện đại để sản xuất, truyền tải, thu thập, xử lý, lưu trữ và trao đổi thông tin số” (Văn phòng Quốc hội, 2023).

Như vậy, CNTT là một hệ thống phương pháp khoa học, công nghệ, phương tiện, công cụ chủ yếu là máy tính mạng truyền thông và hệ thống kho dữ liệu nhằm tổ chức kết nối truyền dẫn và khai thác sử dụng có hiệu quả nguồn tài nguyên thông tin phong phú và tiềm năng trong mọi lĩnh vực hoạt động của đời sống con người và xã hội.

Theo Luật CNTT, tại Khoản 5 - Điều 4: “Ứng dụng CNTT là việc sử dụng CNTT vào các hoạt động thuộc lĩnh vực kinh tế - xã hội, đối ngoại, quốc phòng, an ninh và các hoạt động khác nhằm nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả của các hoạt động này” (Văn phòng Quốc hội, 2023).

Từ khái niệm trên, có thể hiểu ứng dụng CNTT trong dạy học là việc con người sử dụng CNTT vào các hoạt động dạy học một cách hợp lý, nhằm tăng hiệu quả và chất lượng của giáo dục. Qua đó giúp tăng tính linh hoạt sáng tạo của người dạy, tích cực hóa hoạt động nhận thức của người học, người học được trang bị những kỹ năng, tri thức, các phương thức giải quyết vấn đề... cùng với phát triển khả năng tư duy, sáng tạo, phát triển toàn diện các giác quan của con người.

Từ khái niệm về quản lý và khái niệm ứng dụng CNTT trong dạy học, ta có thể khái niệm về quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học là những tác động có mục đích, có kế hoạch, có tổ chức của nhà quản lý đến hoạt động ứng dụng CNTT trong hoạt động giảng dạy của GV và hoạt động học tập của HS nhằm nâng cao chất lượng dạy học đáp ứng yêu cầu đổi mới giáo dục hiện nay. (Trần, 2021).

Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học được thực hiện theo các chức năng của quy trình quản lý bao gồm: Lập kế hoạch hoạt động ứng dụng CNTT; tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT, chỉ đạo thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT; kiểm tra đánh giá kết quả thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT.

2.2. Phương pháp nghiên cứu

Khách thể khảo sát: 16 cán bộ quản lý (CBQL), 58 GV của 3 trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang.

Thời gian khảo sát: Từ tháng 4 đến tháng 6/2024.

Phương pháp khảo sát: Điều tra thu thập số liệu, thông tin bằng các phiếu hỏi, phỏng vấn, quan sát.

Cách thức xử lý số liệu: Xử lý số liệu bằng phương pháp thống kê toán học để tính điểm trung bình (ĐTB), xếp thứ hạng (TH). Trong đó, ĐTB được quy ước chia theo 4 mức độ (từ 1 đến 4) như sau:

Mức 4: 3,25 - 4,0: Tốt/rất cần thiết/rất thường xuyên/rất ảnh hưởng/rất quan trọng;

Mức 3: 2,51 - 3,25: Khá/cần thiết/thường xuyên/ảnh hưởng/quan trọng;

Mức 2: 1,76 - 2,5: Trung bình/ít cần thiết/ít thường xuyên/ít ảnh hưởng/ít quan trọng;

Mức 1: 1-1,75: yếu/không cần thiết/không thường xuyên/không ảnh hưởng/không quan trọng.

Thứ hạng xếp theo giá trị ĐTB từ cao đến thấp của các nội dung khảo sát, thứ hạng 1 là cao nhất. Các số liệu thu được sẽ được xử lý thông qua phần mềm SPSS 22 để tính ĐTB, tùy từng câu hỏi mà tác giả có thể tính tỉ lệ phần trăm (%) và độ lệch chuẩn (ĐLC) theo thang đo Likert 4 mức được thiết kế trong phiếu điều tra.

2.3. Kết quả nghiên cứu thực trạng quản lý hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

2.3.1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Lập kế hoạch, hoạch định được tổng thể các công việc càng khoa học, sát thực thì tổ chức thực hiện càng hiệu quả. Thực trạng lập kế hoạch quản lý ứng dụng CNTT trong hoạt động dạy học, tác giả đã khảo sát CBQL và GV tại huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang. Thực trạng vấn đề này được thể hiện ở Bảng 1.

Bảng 1. Thực trạng lập kế hoạch hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Xác định cơ sở pháp lý cho hoạt động ứng dụng CNTT	3,44	0,50	2	3,36	0,48	1
2	Xác định điều kiện thực tế của nhà trường	3,69	0,68	1	3,22	0,62	3
3	Xác định nội dung trọng tâm của việc lập kế hoạch: Các mục tiêu, chỉ tiêu, các giải pháp, biện pháp thực hiện, các nguồn lực	3,25	0,83	3	3,32	0,60	2
4	Xác định các bước cụ thể tương ứng với những khoảng thời gian nhất định	2,94	0,66	4	3,18	0,67	4
ĐTB chung		3,33	0,67		3,27	0,59	

Theo kết quả Bảng 1, thực trạng lập kế hoạch hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS được đánh giá ở mức khá với ĐTB của CBQL là 3,33 và GV là 3,27 và ĐLC ở mức thấp (CBQL là 0,67 và GV là 0,59), phản ánh sự đồng bộ tương đối giữa các đối tượng khảo sát. Trong đó, nội dung "Xác định điều kiện thực tế của nhà trường" được đánh giá cao nhất với ĐTB 3,69 và độ lệch chuẩn 0,68 cho thấy các trường đã chú trọng đến việc phân tích thực trạng và nguồn lực hiện có trước khi lập kế hoạch. Nội dung "Xác định cơ sở pháp lý cho hoạt động ứng dụng CNTT" cũng đạt mức khá với ĐTB của CBQL là 3,44 và GV là 3,36 và ĐLC là 0,5 (CBQL) và 0,48 (GV). Điều này thể hiện tính đồng nhất cao trong nhận định về sự tuân thủ các quy định và chính sách. Tuy nhiên, nội dung "Xác định các bước cụ thể tương ứng với những khoảng thời gian nhất định" có ĐTB của CBQL là 2,94 và GV là 3,18 với ĐLC ở CBQL là 0,66 và GV là 0,67. Kết quả này thể hiện rằng việc lập kế hoạch chi tiết vẫn còn hạn chế và cần được cải thiện. Từ những kết quả trên cho thấy các trường đã đạt được những tiến bộ nhất định trong khâu lập kế hoạch ứng dụng CNTT trong dạy học nhưng vẫn cần chú trọng hơn vào việc cụ thể hóa các bước triển khai kế hoạch để nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học.

2.3.2. Thực trạng tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Chất lượng tổ chức thực hiện kế hoạch sẽ quyết định hiệu quả của hoạt động ứng dụng CNTT. Thực trạng tổ chức thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT tin trong dạy học được thể hiện ở Bảng 2.

Bảng 2. Thực trạng tổ chức hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Thành lập ban chỉ đạo	2,94	0,66	4	2,93	0,61	5
2	Phổ biến nội dung kế hoạch	3,38	0,60	2	3,09	0,50	3
3	Phân công nhiệm vụ	3,13	0,48	3	3,19	0,60	2
4	Xây dựng và ban hành các quy chế	2,31	0,68	6	3,04	0,73	4
5	Phân bổ kinh phí	2,44	0,50	5	2,88	0,67	6
6	Xác định thời gian thực hiện	3,50	0,50	1	3,22	0,72	1
ĐTB chung		3,10	0,57		3,07	0,64	

Kết quả khảo sát cho thấy các công việc tổ chức thực hiện hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS được đánh giá ở mức khá với cả CBQL với ĐTB là 3,10 và GV với ĐTB là 3,07. ĐLC thấp (CBQL là 0,57 và GV là 0,64) chứng tỏ các ý kiến của các khách thể khảo sát có sự tương đồng. Nội dung công việc đạt kết quả cao nhất là *xác định thời gian thực hiện* với ĐTB của CBQL là 3,10 và GV là 3,07. *Phổ biến nội dung kế hoạch* được CBQL đánh giá với số ĐTB là 3,38 và GV đánh giá là 3,09. Qua đánh giá có thể thấy CBQL đã quan tâm thực hiện và dành thời gian triển khai kế hoạch tới toàn bộ các lực lượng giáo dục trong nhà trường. Việc phân công nhiệm vụ nhìn chung được các thành viên trong nhà trường chấp hành theo sự phân công với số ĐTB của CBQL là 3,13 và GV là 3,19. Qua khảo sát chúng tôi nhận thấy rằng nhà trường vẫn còn khó khăn như việc phân bổ kinh phí được đánh giá ở mức trung bình là do nguồn ngân sách không đủ để đầu tư vào các thiết bị hiện đại, nâng cấp hạ tầng mạng, hay mua sắm phần mềm hỗ trợ giảng dạy. Nguồn quỹ hoạt động thường xuyên không đủ để đáp ứng nhu cầu ứng dụng CNTT, vận động xã hội hóa ở một huyện vùng sâu là rất khó để thực hiện. Do kinh phí đầu tư cho CNTT chưa đủ đáp ứng nhu cầu thực tế, khiến các trường ưu tiên tập trung vào trang thiết bị hơn là xây dựng quy chế. Việc thành lập ban chỉ đạo quản lý ứng dụng CNTT tại các trường cũng gặp phải nhiều khó khăn do thiếu nhân lực chuyên môn, nguồn kinh phí hạn hẹp và cơ cấu tổ chức chưa rõ ràng cũng khiến quá trình thành lập và vận hành ban chỉ đạo gặp trở ngại. Do đó, cần tập trung nguồn lực, đầu tư kinh phí, xây dựng và ban hành quy chế minh bạch, chặt chẽ sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý hoạt động ứng dụng CNTT tại trường THCS.

2.3.3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Tổ chức hoạt động ứng dụng CNTT tại các trường THCS có thực hiện được tốt hay không phụ thuộc vào sự chỉ đạo của các cấp quản lý. Thực trạng chỉ đạo hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS được thể hiện ở Bảng 3.

Bảng 3. Thực trạng chỉ đạo hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Lập kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn	2,38	0,48	4	2,74	0,63	5
2	Tổ chức chương trình bồi dưỡng, hội thảo	2,94	0,56	1	2,81	0,57	3

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
3	Đầu tư và quản lý hạ tầng CNTT	2,69	0,46	2	2,85	0,52	2
4	Theo dõi và kiểm tra kết quả thực hiện	2,25	0,43	5	2,78	0,66	4
5	Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng CNTT	2,44	0,50	3	2,95	0,82	1
ĐTB chung		2,58	0,49		2,83	0,64	

Bảng số liệu trên cho thấy các thực trạng chỉ đạo hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS nhìn chung đạt hiệu quả ở mức khá và còn nhiều hạn chế. ĐTB chung của CBQL là 2,58 với ĐLC là 0,49. Với GV, ĐTB chung có đạt mức cao hơn là 2,83 và ĐLC là 0,64. Điều này cho thấy GV thực hiện khá hiệu quả việc triển khai các nội dung ứng dụng CNTT của CBQL nhưng vẫn chưa đạt mức độ tối ưu. Trong các nội dung được đánh giá, "Tổ chức chương trình bồi dưỡng, hội thảo" và "Đầu tư và quản lý hạ tầng CNTT" là những hoạt động có kết quả tương đối cao ở cả hai nhóm, phản ánh sự quan tâm nhất định đến việc nâng cao năng lực và cơ sở vật chất phục vụ ứng dụng CNTT. Tuy nhiên, những nội dung như "Lập kế hoạch cụ thể cho từng giai đoạn" và "Theo dõi và kiểm tra kết quả thực hiện" lại có điểm số thấp hơn, đặc biệt là từ phía CBQL, cho thấy sự thiếu sót trong việc hoạch định chiến lược và giám sát quá trình thực hiện. Đáng chú ý, nội dung "Đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng CNTT" được GV đánh giá cao nhất với ĐTB chung là 2,95, trong khi CBQL chỉ đạt ĐTB chung là 2,44. Điều này phản ánh rằng GV có sự chủ động hơn trong việc thay đổi phương pháp dạy học so với mức độ chỉ đạo từ quản lý. Qua phỏng vấn tác giả được biết đổi mới phương pháp dạy học theo hướng ứng dụng CNTT ở các trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang hiện nay mới chỉ đạt ở mức thấp do hạ tầng CNTT còn hạn chế, mặt khác do kỹ năng sử dụng CNTT của một số GV còn thấp cộng với tâm lý ngại thay đổi và quen với phương pháp giảng dạy truyền thống khiến việc áp dụng CNTT chưa được thực hiện một cách đồng bộ. Tóm lại, để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT, cần cải thiện công tác lập kế hoạch, tăng cường theo dõi, kiểm tra và đẩy mạnh sự phối hợp giữa các cấp quản lý và GV nhằm đảm bảo sự đồng bộ trong các hoạt động.

2.3.4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học của giáo viên ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang

Kiểm tra, đánh giá là thước đo kết quả, là cơ sở cho việc cải tiến và đổi mới nâng cao chất lượng quản lý văn hóa nhà trường. Kết quả nghiên cứu thực trạng kiểm tra, đánh giá được trình bày ở Bảng 4.

Bảng 4. Thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở các trường trung học cơ sở huyện Tân Phú Đông

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
1	Đánh giá sự phù hợp giữa kế hoạch ứng dụng CNTT và các mục tiêu đặt ra ban đầu	2,75	0,43	2	3,08	0,68	4
2	Đánh giá trạng thái và hiệu quả sử dụng của các thiết bị CNTT, phần mềm, mạng Internet	3,06	0,56	1	3,20	0,61	1

TT	Nội dung	CBQL			GV		
		ĐTB	ĐLC	TH	ĐTB	ĐLC	TH
3	Đánh giá mức độ sử dụng và khai thác các công cụ CNTT trong giảng dạy, học tập và quản lý	2,50	0,50	3	3,12	0,46	2
4	Thu thập ý kiến phản hồi từ GV, học sinh về hiệu quả, thuận lợi và khó khăn khi sử dụng CNTT	2,31	0,58	4	3,11	0,48	3
5	Đề xuất các biện pháp điều chỉnh, cải tiến để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT	2,25	0,56	5	2,92	0,72	5
ĐTB chung		2,66	0,53		3,09	0,59	

Kết quả khảo sát cho thấy thực trạng kiểm tra, đánh giá hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học tại các trường THCS thể hiện qua 5 nội dung chính, với ĐTB của CBQL là 2,66 và của GV là 3,09. Kết quả này cho thấy mức độ ứng dụng CNTT trong các hoạt động dạy học ở mức khá, tuy nhiên vẫn tồn tại sự không đồng đều trong đánh giá giữa các nội dung. Nội dung được đánh giá cao nhất là trạng thái và hiệu quả sử dụng thiết bị, phần mềm và mạng Internet, cho thấy cơ sở hạ tầng CNTT đang được chú trọng. Trong khi đó, các nội dung liên quan đến việc thu thập ý kiến phản hồi và đề xuất các biện pháp cải tiến lại có ĐTB thấp hơn, đặc biệt là việc đề xuất giải pháp, với ĐTB thấp nhất, cho thấy hạn chế trong công tác cải tiến và đổi mới. Độ lệch chuẩn trung bình CBQL là 0,53 và GV là 0,59 phản ánh sự khác biệt nhất định trong quan điểm đánh giá giữa các cá nhân, cho thấy cần có sự đồng bộ hơn trong công tác kiểm tra, đánh giá. Nhìn chung, việc ứng dụng CNTT tuy đã đạt được những kết quả đáng khích lệ nhưng vẫn cần cải thiện để đáp ứng tốt hơn nhu cầu giảng dạy và học tập.

CBQL các trường chưa quan tâm đến việc thu thập ý kiến phản hồi từ GV, HS về hiệu quả, thuận lợi và khó khăn khi sử dụng CNTT. Từ đó, chưa có các biện pháp điều chỉnh, cải tiến kịp thời để nâng cao hiệu quả ứng dụng CNTT tại đơn vị. Có thể nói, kiểm tra đánh giá là một khâu quan trọng để xác định hiệu quả của quản lý hoạt động ứng dụng CNTT. Nếu khâu kiểm tra, đánh giá chưa được hoàn thiện, tính khoa học chưa được đảm bảo thì dễ dẫn đến tình trạng lãng phí thời gian, công sức, kinh phí, chất xám. Vì vậy, khi thực hiện quản lý hoạt động ứng dụng CNTT tại trường THCS hiệu trưởng cần lưu ý hoàn thiện khâu kiểm tra, đánh giá để kết quả đạt được khả thi hơn.

3. Kết luận

Quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang đã được quan tâm và thực hiện đạt được những kết quả nhất định, được các chủ thể đánh giá ở mức trung bình và khá. GV thể hiện sự đồng tình và thống nhất với hoạt động ứng dụng CNTT ở các trường THCS. Các chủ thể quản lý ở các trường đã lập kế hoạch với các công việc thực hiện khá toàn diện. Kế hoạch được triển khai, tổ chức thực hiện khá hiệu quả. Vai trò chỉ đạo, điều hành, kiểm tra, đánh giá đã được tăng cường thực hiện.

Tuy nhiên, quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang vẫn còn hạn chế. Lập kế hoạch còn chung chung, chưa cụ thể hóa các bước cần triển khai. Tổ chức thực hiện ứng dụng CNTT còn gặp khó khăn về việc phân bổ kinh phí, thiếu nhân lực chuyên môn để thành lập ban chỉ đạo, kỹ năng sử dụng CNTT của CBQL và GV chỉ ở mức cơ bản. Vai trò chỉ đạo điều hành của CBQL chưa sâu sát, chưa huy động tối đa nguồn lực. Công tác kiểm tra, đánh giá chưa chặt chẽ, tính khoa học chưa cao. Những thực trạng trong nghiên cứu này sẽ là cơ sở thực tiễn quan trọng để đề xuất các biện pháp quản lý hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS huyện Tân Phú Đông, tỉnh Tiền Giang nhằm bảo đảm tính cấp thiết và tính khả thi góp phần đạt được mục tiêu quản lý tốt hoạt động ứng dụng CNTT trong dạy học ở các trường THCS tại địa phương này.

Tài liệu tham khảo

- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2022). *Công văn số 4267/BGDĐT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2022 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT-CĐS và thống kê giáo dục năm 2022-2023*.
- Bộ Giáo dục và Đào tạo. (2023). *Công văn số 4771/BGDĐT-CNTT ngày 31 tháng 8 năm 2023 về việc hướng dẫn thực hiện nhiệm vụ ứng dụng CNTT-CĐS và thống kê giáo dục năm 2023-2024*.
- Chính phủ. (2015). *Nghị quyết số 26-NQ/CP, ngày 15/4/2015 của Thủ tướng Chính phủ “Ban hành chương trình hành động của chính phủ thực hiện nghị quyết số 36-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2014 của bộ chính trị ban chấp hành trung ương đảng cộng sản việt nam về đẩy mạnh ứng dụng, phát triển công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu phát triển bền vững và hội nhập quốc tế”*.
- Chính phủ. (2020). *Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 03 tháng 6 năm 2020 về phê duyệt “Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”*.
- Chính phủ. (2022). *Quyết định số 131/QĐ-TTg ngày 25 tháng 01 năm 2022 về phê duyệt đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022-2025, định hướng đến năm 2030”*.
- Đặng, T. T. T. (2012). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong trường trung học cơ sở*. Hà Nội : NXB Giáo dục.
- Đào, T. L. (2007). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học ở trường phổ thông Việt Nam*. Viện Chiến lược và Chương trình giáo dục.
- Lê, C. T., & Nguyễn, Đ. V. (2006). *Ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Nguyễn, S. Đ. (2005). *Công nghệ thông tin với việc đổi mới phương pháp dạy học*. Dự án phát triển giáo dục trung học cơ sở.
- Trần, M. T. (2021). *Quản lý ứng dụng công nghệ thông tin trong dạy học tại các trường trung học cơ sở tỉnh Hải Dương hiện nay*. Luận án tiến sĩ, Quản lý giáo dục, Học viện Quản lý giáo dục.
- Trần, K. (2006). *Khoa học quản lý lý giáo dục, một số vấn đề lý luận và thực tiễn*. Hà Nội: NXB Giáo dục.
- Văn phòng Quốc hội. (2023). *Luật công nghệ thông tin, Luật số 27/VBHN-VPQH*.